

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa.

Ông Trần Ngọc Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 và Quyết định đình hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1992; nơi cư trú: tổ 3, khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn P, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 4 năm 2021, bản tự khai ngày 04 tháng 5 năm 2021 và bản tự khai ngày 11 tháng 5 năm 2021 trình bày:

Về hôn nhân: chị Trần Thị Bích H và anh Lê Văn P là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh Bình Dương vào ngày 14

tháng 01 năm 2019. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị H và anh P sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P thay đổi tính tình; do tính chất công việc của anh P đi làm xa nhà mỗi tuần về nhà một lần nhưng khi về không quan tâm vợ con. Anh P hay uống rượu, nói dối không trung thực với vợ con nên giữa chị H và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị H đã phát hiện anh P ngoại tình vào tháng 9 năm 2020. Mặc dù, chị H đã nhắc nhở và tha thứ nhiều lần nhưng anh P vẫn chứng nào tật nấy. Do đó, cuộc sống của chị H và anh P không còn hạnh phúc như ban đầu. Nay, chị H không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: chị H và anh P có 01 con chung tên Lê Minh Quốc D, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2019, hiện nay con chung đang ở cùng chị H. Chị H yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: chị H không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng anh P đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh P.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Trần Thị Bích H khởi kiện anh Lê Văn P về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Lê Văn P có nơi cư trú tại ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Chị H vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H. Tòa án triệu tập hợp lệ anh P lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về hôn nhân: hôn nhân của chị H và anh P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 ngày 14 tháng 01 năm 2019; chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do anh P đi làm xa nhà một tuần mới về nhà một lần nhưng khi về không quan tâm, chăm sóc chị H và con. Anh P có mối quan hệ với người phụ nữ khác nhưng chị H không có chứng cứ chứng minh. Chị H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh P vẫn không thay đổi nên hai bên thường xảy ra mâu thuẫn hay cãi vã, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Xét thấy, chị H và anh P là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, quyết định cho chị H và anh P ly hôn.

[3.2] Về nuôi con chung: chị H và anh P có một con chung tên Lê Minh Quốc D, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2019; cháu Bảo hiện nay đang ở với chị H. Chị H yêu cầu được nuôi con chung không cần anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị H về nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận, anh P có trách nhiệm giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: chị H và anh P không tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: nguyên đơn chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bích H với bị đơn Lê Văn P về việc ly hôn tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị Bích H và anh Lê Văn P.

Về nuôi con chung:

Anh Lê Văn P có trách nhiệm giao con chung tên Lê Minh Quốc D, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2019 cho chị Trần Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh P lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung, nợ chung: chị Trần Thị Bích H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: chị Trần Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0039378 ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng